

Đ: 34
H: 0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

C. Hòa (79)

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/11/2023

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: B102

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HLP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170793	Phan Thanh	Bình	01/05/2004	CCQ2217LB	893	Bình	66	Bình	46	56	8.6	6.8
2	2122170818	Lê Hữu	Chính	18/02/2004	CCQ2217LB	569	Chính	55	Chính	80	6.8	8.1	7.3
3	2122210156	Trần Sĩ	Đan	19/12/2004	CCQ2221LA	645	Đan	64	Đan	51	5.8	7.2	6.4
4	2122170771	Nguyễn Dương Minh	Dăng	26/08/2004	CCQ2217LB	726	Dăng	60	Dăng	39	5.0	8.0	6.2
5	2122170797	Phan Thành	Danh	19/12/2004	CCQ2217LB	893	Danh	35	Danh	61	4.8	6.6	5.5
6	2122170780	Lê Xuân	Đạt	30/07/2004	CCQ2217LB	569	Đạt	81	Đạt	88	8.5	8.5	8.5
7	2122170786	Nguyễn Hà Thành	Đạt	03/02/2004	CCQ2217LB	645	Đạt	92	Đạt	89	9.1	9.5	9.3
8	2122170762	Quách Đình	Độ	26/05/2004	CCQ2217LB	726	Độ	54	Độ	31	4.3	8.1	5.8
9	2122170790	Nguyễn	Duy	10/07/2003	CCQ2217LB	569	Độ			0	0.0	0	
10	2122170833	Nguyễn Hoàng Bảo	Duy	10/09/2004	CCQ2217LB	569	Bảo	60	Bảo	89	7.5	8.9	8.1
11	2122170772	Trần Phi	Hải	29/02/2004	CCQ2217LB	645	Phi	54	Phi	31	4.3	7.5	5.6
12	2122210158	Lê Thị Bích	Hân	13/05/2004	CCQ2221LA	726	Hân	58	Hân	69	6.4	8.8	7.4
13	2122210155	Phạm Thị Thanh	Hằng	26/04/2004	CCQ2221LA	893	Hằng	53	Hằng	87	7.0	8.7	7.7
14	2122170853	Hà Đức	Hào	11/01/2002	CCQ2217LB	569	Hào	93	Hào	66	8.0	8.5	8.2
15	2122170792	Phan Anh	Hào	26/11/2004	CCQ2217LB	645	Hào	33	Hào	40	3.7	7.9	5.4
16	2122170779	Phạm Tấn	Hậu	11/07/2004	CCQ2217LB	776	Tấn	37	Tấn	52	4.5	8.1	5.9
17	2122170784	Phạm Quang	Hiếu	17/04/2004	CCQ2217LB	893	Hiếu	50	Hiếu	60	5.5	8.1	6.5
18	2122170821	Nguyễn Minh	Hoàng	04/01/2004	CCQ2217LB	569	Minh	45	Minh	65	5.5	6.3	5.8
19	2122170773	Trần Quang	Huy	10/10/2004	CCQ2217LB	645	Quang	74	Quang	76	7.5	8.1	7.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

C. Hoà

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/2023 Số SV có mặt: 34

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 34

Phòng thi: D6-33 Số tờ giấy thi: 34

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 06/11/2023 Số SV có mặt: 34

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 34

Phòng thi: B102 Số tờ giấy thi: 34

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122170839	Vũ Quang	Huy	26/11/2004	CCQ2217LB	726	Huy	88	Huy	81	8.5	8.2	8.4	
21	2122170776	Nguyễn Tuấn	Khải	11/01/2004	CCQ2217LB	893	Khải	56	Khải	83	7.0	8.8	7.7	
22	2122170822	Đỗ Phúc	Khang	25/06/2004	CCQ2217LB	569	Khang	41	Khang	40	4.1	6.5	5.1	
23	2122170795	Nguyễn Cao Kỳ	Khôi	11/05/2004	CCQ2217LB	645	Khôi	52	Khôi	66	5.9	8.0	6.7	
24	2122210166	Trần Hoàng	Khôi	27/02/2001	CCQ2221LA	726	Khôi	95	Khôi	78	8.7	9.3	8.9	
25	2122170851	Cao Trung	Kiên	20/04/2004	CCQ2217LB	893	Kiên	57	Kiên	87	7.2	7.2	7.2	
26	2122170767	Bùi Cao Bảo	Lâm	21/07/2004	CCQ2217LB	569	Lâm	71	Lâm	50	6.1	7.4	6.6	
27	2122170766	Nguyễn Trọng	Lộc	14/03/2004	CCQ2217LB	645	Lộc	67	Lộc	85	7.6	8.8	8.1	
28	2122170845	Nguyễn Hồ Phúc	Lợi	02/07/2004	CCQ2217LB	726	Lợi	52	Lợi	72	6.2	7.6	6.8	
29	2122210154	Bùi Thị Hằng	My	28/04/2003	CCQ2221LA	893	My	41	My	54	4.8	8.4	6.2	
30	2122170796	Huỳnh Hữu	Nghĩa	21/04/2004	CCQ2217LB	569	Nghĩa	45	Nghĩa	58	5.2	6.8	5.8	
31	2122170817	Võ Thành	Nhân	01/10/2003	CCQ2217LB	645	Nhân	67	Nhân	89	7.8	9.1	8.3	
32	2122170761	Nguyễn Trần Đức	Nhật	28/12/2004	CCQ2217LB	726	Nhật	52	Nhật	67	6.0	8.0	6.8	
33	2122210157	Võ Thị Huệ	Thư	12/10/2004	CCQ2221LA	893	Thư	67	Thư	83	7.5	8.3	7.8	
34	2122210159	Nguyễn Minh	Tuấn	29/11/2004	CCQ2221LA	569	Tuấn	84	Tuấn	79	8.2	8.9	8.5	
35	2122270069	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyến	31/05/2003	CCQ2227C	645	Tuyến	90	Tuyến	79	8.5	9.5	8.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

lọc kỳ 1 (2023-2024)

Đã 26
H1 02

T. Hoàng

80

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/2023 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 28

Phòng thi: D6-35 Số tờ giấy thi: 28

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/11/2023 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 28

Phòng thi: B103 Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Vũ 7. Hân

Nguyễn Thị Thanh
Thảo

Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Hồng Hoàng

C. Thuận

T.T. Thị Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HPP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200026	Nguyễn Tiến Đạt	05/03/2001	CCQ2320A									
2	2122170769	Trần Mạnh Vũ	06/11/2004	CCQ2217LC	569	Phong	63	Phong	42	5,3	7.0	6,0	
3	2122170791	Trần Nguyên	30/08/2004	CCQ2217LC	645	Phong	69	Phong	70	7,0	7.5	7,2	
4	2122170834	Nguyễn Hữu	17/05/2004	CCQ2217LC							0.0		
5	2122170798	Trần Hữu	15/12/2004	CCQ2217LC	893	Phong	68	Phong	47	5,8	6.5	6,1	
6	2122170760	Lê Văn Anh	22/11/2004	CCQ2217LC	569	Quang	35	Quang	40	3,8	6.2	4,8	
7	2122170857	Nguyễn Trường	18/03/2000	CCQ2217LC	645	Quang	53	Quang	68	6,1	8.5	7,1	
8	2122170837	Dương Anh	14/04/2004	CCQ2217LC	726	Quang	50	Quang	48	4,9	7.1	5,8	
9	2122170838	Đặng Quý	06/03/2004	CCQ2217LC	726	Quang	91	Quang	92	9,2	9.0	9,1	
10	2122170794	Huỳnh Hoàng	02/04/2004	CCQ2217LC	645	Quang	71	Quang	65	6,8	7.1	6,9	
11	2122170782	Nguyễn Quý	15/09/2004	CCQ2217LC	569	Quang	60	Quang	43	5,2	6.7	5,8	
12	2122170770	Đặng Minh	20/01/2004	CCQ2217LC	893	Quang	52	Quang	64	5,8	7.2	6,4	
13	2122170816	Vô Quang	19/04/2004	CCQ2217LC	726	Quang	50	Quang	45	4,8	7.4	5,8	
14	2122170731	Nguyễn Văn Duy	22/08/2004	CCQ2217LC	645	Quang	59	Quang	44	5,2	8.7	6,6	
15	2122170858	Dương Trọng	19/02/2004	CCQ2217LC	569	Quang	74	Quang	61	6,8	8.0	7,3	
16	2122170781	Trần Anh	05/10/2004	CCQ2217LC	893	Quang	34	Quang	55	4,5	6.4	5,3	
17	2122170757	Vô Văn	22/08/2004	CCQ2217LC	893	Quang	59	Quang	34	4,7	7.6	5,9	
18	2122170768	Nguyễn Hoàng Minh	16/06/2004	CCQ2217LC	569	Quang	24	Quang	35	3,0	6.6	4,4	
19	2122170756	Phạm Hoàng Minh	24/10/2003	CCQ2217LC							0.0		

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Hoàng

85

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Số tờ giấy thi:/

04/11/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

A: 37

H: 3

D: 37

H: 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/2023

Số SV có mặt: 39

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 39

Phòng thi: D6-36

Số tờ giấy thi: 39

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/11/2023

Số SV có mặt: 40

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 1

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HTP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170749	Nguyễn Đức Ân	02/08/1998	CCQ2217LA	569		82		79	81	6.9	76	
2	2122170727	Vũ Thiên Ân	01/01/2004	CCQ2217LA	645		65	An	512	59	7.0	63	
3	2122170728	Nguyễn Tiền Đạt	29/04/2004	CCQ2217LA	726		74		711	73	7.9	75	
4	2122170808	Phạm Minh Đoán	26/03/2004	CCQ2217LA							0.0		
5	2122120432	Hoàng Minh Đức	07/11/2003	CCQ2212LA	569		73		810	77	8.7	81	
6	2122170747	Đặng Anh Dũng	11/03/2004	CCQ2217LA	645		31		512	42	6.5	51	
7	2122170737	Đặng Xuân Dũng	16/05/2004	CCQ2217LA	726		65		716	71	8.1	75	
8	2122170811	Hồ Khắc Dũng	10/01/2004	CCQ2217LA	893		60		615	63	7.1	66	
9	2122170736	Phan Hoàng Duy	18/05/2004	CCQ2217LA	569		49		617	58	6.8	62	
10	2122120427	Đỗ Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	CCQ2212LA	645		66		614	65	8.1	71	
11	2122260122	Nguyễn Lê Hà Giang	19/12/2004	CCQ2212LA	726		79		815	82	9.1	86	
12	2122120439	Nguyễn Văn Giáp	28/07/2004	CCQ2212LA	893		23		719	51	8.3	64	
13	2122170740	Đinh Viết Hà	15/12/2004	CCQ2217LA	569		79		911	85	8.7	86	
14	2122170836	Hoàng Minh Hà	16/01/2004	CCQ2217LA	645		38		516	47	8.0	60	
15	2122120438	Nông Quang Hành	19/07/2002	CCQ2212LA	726		57		712	65	6.2	64	
16	2122170754	Nguyễn Đức Hiếu	02/11/2004	CCQ2217LA	893		94		814	89	8.3	87	
17	2122170739	Nguyễn Việt Hoài	28/01/2004	CCQ2217LA	569		62		612	62	5.7	60	
18	2122120430	Lê Văn Hùng	21/09/2004	CCQ2212LA	645		25		510	38	3.2	36	-
19	2122120428	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	13/07/2004	CCQ2212LA	726		45		610	53	4.0	48	-

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Thuận

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/202

Số SV có mặt: 39

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 39

Phòng thi: D6-36

Số tờ giấy thi: 39

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/11/2023 Số SV có mặt: 40

Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Phòng thi: D4-21 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Thyng Thu Thu Lin

Cán bộ coi thi 2

V. T. Q. A8

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyen

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Can Thuận

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Huỳnh Mai

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Phan T. Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HYP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122170815	Võ Văn	Khánh	14/05/2003	CCQ2217LA	645	h	43	h	6,0	52	7.3	60	
21	2122170745	Nguyễn Đăng	Khoa	06/09/2002	CCQ2217LA	569	h	93	h	8,4	89	8.3	87	
22	2122170752	Nguyễn Tuấn	Kiệt	10/01/2004	CCQ2217LA	893	kiệt	47	kiệt	7,4	61	7.9	68	
23	2122170753	Nguyễn	Lên	06/04/2004	CCQ2217LA	726	lên	46	lên	7,9	63	7.8	69	
24	2122120555	Biện Trần Khánh	Linh	09/04/2004	CCQ2212LA	645	l	72	l	7,1	72	8.4	77	
25	2122170741	Lê Đăng	Linh	01/05/2001	CCQ2217LA	569	linh	83	linh	8,0	82	9.2	85	
26	2122120556	Nguyễn Ngô Phương	Linh	03/01/2004	CCQ2212LA				h	9,5	00	9.0	35	/
27	2122170730	Nguyễn Tấn	Lộc	07/10/2003	CCQ2217LA	726	Can	57	Can	6,8	63	6.3	63	
28	2122170807	Võ Xuân	Lộc	27/05/2004	CCQ2217LA	893	Qu	89	Qu	8,4	87	9.2	89	
29	2122170733	Nguyễn Thành	Lượng	23/11/2004	CCQ2217LA	569	Lượng	67	Lượng	7,5	71	8.5	77	
30	2122170830	Nguyễn Trung	Nam	27/05/2002	CCQ2217LA	645	Nam	64	Nam	5,2	58	6.8	62	
31	2122120434	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/06/2004	CCQ2212LA	726	ngocbich	59	ngocbich	6,3	61	8.5	71	
32	2122120543	Dặng Thị Minh	Nguyệt	28/02/2004	CCQ2212LA	893	Nguy	64	Nguy	8,1	73	8.5	78	
33	2122170742	Trần	Nhân	05/12/2003	CCQ2217LA	569	nhân	73	nhân	6,7	70	5.8	65	
34	2122120436	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	26/05/2004	CCQ2212LA	645	huynh	87	huynh	8,2	85	8.4	85	
35	2122120477	Trần Quỳnh	Như	08/06/2004	CCQ2212LA	726	nhu	65	nhu	5,6	61	7.8	62	
36	2122170729	Huỳnh Mai	Phương	24/10/2004	CCQ2217LA	893	phuong	74	phuong	6,8	71	7.9	74	
37	2122120433	Lộc	Thanh	09/07/2001	CCQ2212LA						0.0			
38	2122120554	Trịnh Văn	Thành	25/03/2004	CCQ2212LA	645	Trinh	53	Trinh	8,0	67	7.4	70	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

T. Thuận

81

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/202

Số SV có mặt: 39

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 39

Phòng thi: D6-36

Số tờ giấy thi: 39

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/11/2023

Số SV có mặt: 40

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 40

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
39	2122120437	Vũ Thị Hoài	Thu	06/03/2004	CCQ2212LA	569	<i>HK</i>	69	<i>HK</i>	84	77	7.6	77	
40	2122120124	Vũ Thị Hoàng	Trang	17/10/2004	CCQ2212LA	893	<i>HK</i>	58	<i>HK</i>	73	66	6.6	66	
41	2122120431	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	25/01/2004	CCQ2212LA							0.0		
42	2122120429	Trịnh Phước	Vĩ	29/03/2004	CCQ2212LA	645	<i>HK</i>	65	<i>HK</i>	58	62	6.9	65	
43	2122120426	Nguyễn Thị Thúy	Vy	04/07/2004	CCQ2212LA	569	<i>HK</i>	61	<i>HK</i>	55	58	7.1	63	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

C. Loan

82

A 36
H 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/202

Số SV có mặt: 38

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 38

Phòng thi: D7-40

Số tờ giấy thi: 38

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 10/11/2023

Số SV có mặt: 38

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 38

Phòng thi: D4-22

Số tờ giấy thi: 38

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122200241	Hồ Đăng Văn	Anh	10/01/2004	CCQ2220G	645	Anh	80	Anh	85	83	9.2	87	
2	2122270148	Võ Thành	Đại	24/05/2004	CCQ2227E	726	Đại	88	Đại	91	90	9.7	93	
3	2122270065	Nguyễn Hà Minh	Đức	22/05/2004	CCQ2227B	893	Đức	54	Đức	56	55	7.3	62	
4	2122260105	Trương Kỳ	Dương	13/07/2004	CCQ2226D	569	Kỳ	48	Kỳ	68	58	8.0	67	
5	2122270124	Đào Thị Hồng	Gấm	13/03/2004	CCQ2227D						0.0			
6	2122270056	Trần Thị Hương	Giang	30/10/2004	CCQ2227B	726	Hương	44	Hương	31	38	7.2	52	
7	2122200224	Lê Gia	Hân	07/09/2004	CCQ2220G	893	Hân	49	Hân	41	45	6.8	54	
8	2122270026	Võ Mai Ngọc	Hạnh	22/02/2004	CCQ2227A	569	Ngọc	59	Ngọc	66	63	7.8	69	
9	2122260079	Lê Thị Thu	Hào	12/08/2004	CCQ2226C	645	Thu	50	Thu	55	53	7.8	63	
10	2122260100	Nguyễn Viết	Hội	17/11/2004	CCQ2226D	726	Hội	83	Hội	83	83	9.6	88	
11	2122260113	Nguyễn Trung	Kiến	12/01/2004	CCQ2226D	893	Trung	55	Trung	63	59	6.5	61	
12	2122270052	Nguyễn Thứ	Lê	12/02/2004	CCQ2227B						0.2			
13	2122260073	Phạm Thị	Lương	25/07/2004	CCQ2226C	645	Phạm	38	Phạm	17	28	6.3	42	
14	2122260127	Hồ Văn	Lượng	24/01/2004	CCQ2226C	726	Hồ	73	Hồ	82	78	9.1	83	
15	2122200004	Hà Thị Trúc	Ly	30/05/2003	CCQ2220A	893	Trúc	77	Trúc	77	77	9.0	82	
16	2122120552	Phạm Như Quỳnh	Mai	18/08/2000	CCQ2220G	569	Quỳnh	87	Quỳnh	92	90	8.1	86	
17	2122200201	Trần Lý Cao	Minh	09/10/2002	CCQ2220D	645	Cao	56	Cao	46	51	6.1	55	
18	2122110199	Nguyễn Thanh	Mỹ	05/06/2004	CCQ2227D						0.4			
19	2122260096	Trần Thảo	Ngân	16/09/2003	CCQ2226C	569	Thảo	31	Thảo	73	52	7.7	62	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

C.Loan

82

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/2023 Số SV có mặt: 38

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 38

Phòng thi: D7-40 Số tờ giấy thi: 38

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 10/11/2023 Số SV có mặt: 38

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 38

Phòng thi: D4-22 Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1

Trần Thị Ngọc
Lê Phan
Thị Xuân

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Ngọc
Phạm Kim Ngân

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết
Trần Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết
Trần Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
Trần Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
Trần Thị Ngọc

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122270008	Trần Tiến	Nghĩa	01/06/2001	CCQ2227A	893	nghe	90	nghe	85	88	10.0	93
21	2122270027	Đặng Thanh Bảo	Ngọc	07/10/2004	CCQ2227A	726	nghe	68	nghe	77	73	8.8	79
22	2122200235	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	05/09/2002	CCQ2220G	645	nghe	53	nghe	88	71	8.6	77
23	2122200232	Phan Thị Thủy	Như	14/05/2004	CCQ2220G	569	nghe	81	nghe	77	79	8.7	82
24	2122200237	Trần Thị Hồng	Nhung	24/04/2004	CCQ2220G	893	nghe	57	nghe	80	69	8.4	75
25	2122270016	Trần Thị Hồng	Nhung	02/08/2004	CCQ2227A	726	nghe	79	nghe	93	86	8.7	86
26	2122260082	Nguyễn Dương Kim	Phụng	07/05/2004	CCQ2226C	645	nghe	60	nghe	54	57	7.0	62
27	2122260076	Nguyễn Thị Minh	Phương	02/03/2004	CCQ2226C	569	nghe	53	nghe	52	53	7.4	61
28	2122170277	Nguyễn Minh	Quân	05/11/2003	CCQ2226D	893	nghe	52	nghe	46	49	6.8	57
29	2122270001	Mang Công	Thiện	12/06/2000	CCQ2227A	645	nghe	41	nghe	70	56	7.9	65
30	2122200236	Võ Thị Yến	Thu	06/01/2004	CCQ2220G	726	nghe	89	nghe	92	91	9.7	93
31	2122200193	Hoàng Thị Yến	Thư	23/10/2004	CCQ2220A	893	nghe	87	nghe	82	85	8.0	83
32	2122200043	Phan Anh	Thư	23/04/2004	CCQ2220B	569	nghe	44	nghe	67	56	7.3	63
33	2122260119	Thới Văn	Thương	24/09/2004	CCQ2226D	645	nghe	27	nghe	60	44	5.6	49
34	2122270123	Nguyễn Thị	Thúy	20/03/2004	CCQ2227D						0.0		
35	2122200049	Lý Thị Như	Tinh	29/08/2004	CCQ2220B						0.0		
36	2122270049	Thái Thị Bảo	Trâm	07/12/2004	CCQ2227B	569	nghe	46	nghe	51	49	5.7	52
37	2122270156	Lê Ngọc Quế	Trần	06/07/2004	CCQ2227E	645	nghe	67	nghe	92	80	8.7	83
38	2122200081	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trang	19/06/2004	CCQ2220C	893	nghe	92	nghe	63	78	8.5	81

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

82

C.Loan

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/202 Số SV có mặt: 38

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 38

Phòng thi: D7-40 Số tờ giấy thi: 38

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 10/11/2023 Số SV có mặt: 38

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 38

Phòng thi: D4-22 Số tờ giấy thi: 38

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
39	2122270138	Võ Thị Thuý	Trình	07/10/2004	CCQ2227A	926	59	59	59	59	8.2	68	
40	2122200197	Cao Thị Thanh	Tuyển	16/05/2004	CCQ2220B	645	74	85	80	8.5	82		
41	2122270022	Phạm Thị Thảo	Vi	29/04/2004	CCQ2227A	569	51	82	67	7.7	71		
42	2122200228	Nguyễn Ái	Vy	14/06/2004	CCQ2220G	893	10.0	94	97	9.2	95		
43	2122270034	Luận Thị Mỹ	Xuyên	02/06/2004	CCQ2227B	726	43	60	52	7.4	61		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

Đ: 31

H: 0

C. Văn

83

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460306)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/2023 Số SV có mặt: 31

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 31

Phòng thi: D7-39 Số tờ giấy thi: 31

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/11/2023 Số SV có mặt: 31

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 1

Phòng thi: D4-25 Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HLP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122260107	Vũ Nguyễn Phương	Anh	12/11/2002	CCQ2226E	569		89		77	83	8.4	83	
2	2122130001	Phạm Thị Yến	Chi	20/05/2004	CCQ2220F	726		88		81	85	9.2	88	
3	2122260132	Đào Tiên Anh	Đạt	02/05/2004	CCQ2226D	645		64		82	73	8.8	79	
4	2122200110	Lương Thị	Diệu	03/09/2004	CCQ2220D	726		79		84	82	9.6	88	
5	2122200068	Bùi Đức	Dũng	02/01/2004	CCQ2220B	569		43		69	56	4.9	53	
6	2122200088	Huỳnh Thị Bích	Duyên	09/10/2004	CCQ2220C	726		68		62	65	8.1	71	
7	2122200087	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	29/08/2004	CCQ2220C	569		58		52	55	7.8	64	
8	2122260042	Châu Huỳnh	Giang	02/02/2004	CCQ2226E	893		72		79	76	9.4	83	
9	2122200094	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	19/09/2004	CCQ2220C	645		74		77	76	8.8	81	
10	2122260112	Hồ Dạ	Hào	22/05/2004	CCQ2226D	726		84		87	86	8.4	85	
11	2122260109	Nguyễn Thị	Hãy	08/06/2004	CCQ2226D	569		82		88	85	9.1	87	
12	2122200203	Tô Thị Thu	Hương	22/12/2003	CCQ2220D	645		77		74	76	7.6	76	
13	2122200177	Đặng Lý Thiên	Kim	20/02/2004	CCQ2220F	893		76		82	79	9.4	85	
14	2122200077	Nguyễn Thị Hoài	Ly	27/04/2004	CCQ2220C	645		66		65	66	8.1	72	
15	2122200200	Lê Thị Kiều	My	25/02/2004	CCQ2220C	569		76		79	78	8.4	80	
16	2122200086	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/02/2004	CCQ2220C	893		65		82	74	8.3	78	
17	2122270095	Trần Văn	Nghĩa	28/01/2004	CCQ2227C						Cấm thi	0.0		
18	2122260068	Trương Thủy	Nhân	20/05/2004	CCQ2226C	893		72		88	80	8.6	82	
19	2122270145	Trần Minh	Nhân	20/02/2004	CCQ2227D						Cấm thi	0.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

C. Văn

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460306)

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/11/2023

Số SV có mặt: 31

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 31

Phòng thi: D7-39

Số tờ giấy thi: 31

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/11/2023

Số SV có mặt: 31

Giờ thi: 12h30

Số bài thi:

Phòng thi: D4-25

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122200178	Dặng Yến	Nhi	20/09/2004	CCQ2220F	726		76		84	80	8.9	84	
21	2122270133	Nguyễn Tuyết	Nhi	29/10/2004	CCQ2227B	645		84		74	79	8.3	81	
22	2122200212	Dương Thị Huỳnh	Như	28/09/2004	CCQ2220F	569		51		65	58	7.1	63	
23	2122200180	Nguyễn Hồng	Nhung	20/03/2004	CCQ2220F	645		63		70	67	7.8	71	
24	2122120099	Võ Lưu	Phương	19/03/2004	CCQ2220F	893		96		96	96	9.9	97	
25	2122200120	Võ Thị	Quyên	03/08/2004	CCQ2220D	726		72		80	76	8.5	80	
26	2122270136	Nguyễn Hoàng Hương	Quỳnh	02/03/2004	CCQ2227D	569		47		59	53	5.2	53	
27	2122200124	Phan Thị Như	Quỳnh	01/05/2004	CCQ2220D	893		80		75	78	8.6	81	
28	2122270163	Từ Thị Duy	Tâm	25/10/2004	CCQ2227E	893		48		74	61	7.9	68	
29	2122260099	Nguyễn Minh	Thơ	11/06/2002	CCQ2226C	726		87		87	87	9.2	89	
30	2122260098	Sầm Thị	Thúy	03/10/2004	CCQ2226C	569		54		56	55	6.0	57	
31	2122260072	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/03/2004	CCQ2226C	645		53		64	59	6.4	61	
32	2122270072	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	12/05/2004	CCQ2227C	645		57		60	59	6.1	60	
33	2122260133	Nguyễn Khánh	Vân	11/06/2003	CCQ2226D	726		95		92	94	9.7	95	